

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh sách người giám định tư pháp
theo vụ việc của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Giám định tư pháp năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc của Bộ Tài nguyên và Môi trường, gồm 63 ông, bà có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Vụ trưởng Vụ Pháp chế thừa ủy quyền Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ký Quyết định cử người giám định theo vụ việc đối với các ông, bà có tên tại Điều 1 Quyết định này trên cơ sở thống nhất với các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan. Thời hạn ủy quyền đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 943/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố Danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC, HN.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Người giám định tư pháp theo vụ việc của Bộ Tài nguyên và Môi trường
(kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và giám định tư pháp
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI					
1	Nguyễn Thị Hồng Điệp	09/11/1981	Tổng cục Quản lý đất đai	Cử nhân Luật	14 năm
2	Nguyễn Mạnh Tuấn	12/8/1985	Tổng cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ luật	11 năm
3	Nguyễn Văn Hiền	01/9/1978	Tổng cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ quản lý đất đai, Cử nhân Ngoại ngữ	18 năm
4	Hà Trọng Vĩnh	11/01/1978	Tổng cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ kinh tế	18 năm
5	Cao Đại Nghĩa	30/12/1985	Tổng cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ Kinh tế	10 năm
6	Nguyễn Đức Cường	13/02/1983	Tổng cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ Quản lý đất đai	12 năm
7	Vũ Xuân Kiên	16/7/1977	Tổng cục Quản lý đất đai	Cử nhân Luật	13 năm
8	Nguyễn Toàn Hóa	28/6/1981	Tổng cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ Quản lý đất đai	10 năm
9	Trần Quang Định	02/11/1976	Tổng cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ Quản lý đất đai	13 năm
10	Vũ Thanh Luyện	15/9/1976	Tổng cục Quản lý đất đai	Kỹ sư Quản lý đất đai, Thạc sỹ Kinh tế xây dựng	21 năm
11	Đinh Đức Minh	01/9/1966	Tổng cục Quản lý đất đai	Kỹ sư Quản lý đất đai	25 năm

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và giám định tư pháp
12	Đào Anh Tuấn	19/12/1979	Tổng cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ Quản lý đất đai	05 năm
13	Nguyễn Thái Bình Dương	22/9/1982	Tổng cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ Trắc địa ảnh và công nghệ viễn thám	06 năm
14	Trần Vũ Phong	07/10/1985	Tổng cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ Địa lý tự nhiên	05 năm
15	Nguyễn Tiến Thân	04/3/1976	Tổng cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ Quản lý đất đai	20 năm
16	Phùng Tuấn Anh	14/5/1976	Tổng cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ Quản lý đất đai	20 năm
17	Nguyễn Quang Hải	31/8/1969	Tổng cục Quản lý đất đai	Kỹ sư Quản lý đất đai	21 năm
18	Ngô Xuân Trường	06/4/1978	Tổng cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ Quản lý đất đai	20 năm
19	Đặng Trần Đức	06/12/1982	Thanh tra Bộ	Cử nhân Thở nhường học	13 năm
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG					
20	La Trần Bắc	7/10/1976	Tổng cục Môi trường	Tiến sỹ quản lý môi trường	15 năm
21	Nguyễn Thị Thanh Bình	02/5/1974	Tổng cục Môi trường	Cử nhân Luật	15 năm
22	Phạm Anh Cường	02/5/1960	Tổng cục Môi trường	Tiến sỹ công nghệ sinh học	25 năm
23	Phan Thanh Giang	16/11/1977	Tổng cục Môi trường	Kỹ sư công nghệ hữu cơ hóa dầu	10 năm
24	Nguyễn Thành Lam	24/8/1972	Tổng cục Môi trường	Thạc sỹ môi trường	10 năm
25	Hoàng Minh Sơn	20/01/1960	Tổng cục Môi trường	Thạc sỹ Luật	19 năm
26	Chu Văn Thảo	05/10/1971	Tổng cục Môi trường	Cử nhân sinh thái môi trường	15 năm
27	Cù Hoài Nam	30/12/1971	Tổng cục Môi trường	Thạc sỹ Khoa học và Công nghệ Môi trường	24 năm

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và giám định tư pháp
28	Nguyễn Vũ Trung	05/8/1968	Tổng cục Môi trường	Kỹ sư môi trường, thủy nông	20 năm
LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT KHOÁNG SẢN					
29	Phạm Ngọc Chi	13/5/1963	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Kỹ sư Khai thác mỏ, Cử nhân Luật	25 năm
30	Hoàng Viết Hạnh	30/10/1972	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Thạc sỹ Địa chất	20 năm
31	Nguyễn Xuân Quang	30/3/1981	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Tiến sỹ Khai thác mỏ	10 năm
32	Đỗ Hữu Trọng	15/3/1963	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Kỹ sư Địa chất	25 năm
33	Mai Trọng Tú	19/6/1963	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Tiến sỹ Địa chất	30 năm
34	Nguyễn trọng Hiền	14/6/1967	Viện khoa học Địa chất và Khoáng sản	Kỹ sư Địa chất công trình, Địa chất thủy văn	25 năm
35	Ngô Thị Bích Hương	15/6/1974	Viện khoa học Địa chất và Khoáng sản	Tiến sỹ Hóa môi trường	25 năm
36	Nguyễn Văn Tình	15/02/1960	Viện khoa học Địa chất và Khoáng sản	Thạc sỹ Địa chất	30 năm
37	Nguyễn Đại Trung	22/5/1970	Viện khoa học Địa chất và Khoáng sản	Tiến sỹ Môi trường đất và nước	25 năm
38	Nguyễn Hồng Quang	1970	Viện khoa học Địa chất và Khoáng sản	Thạc sỹ Địa chất	25 năm
39	Đoàn Thế Hùng		Vụ Khoa học và Công	Thạc sỹ Địa vật lý	25 năm

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và giám định tư pháp
			nghệ		
LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO					
40	Lê Văn Công	13/3/1967	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Tiến sỹ Hải dương học	25 năm
41	Đào Văn Giang	30/10/1971	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Thạc sỹ Môi trường	20 năm
42	Lê Thành Chung	06/5/1976	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Thạc sỹ Địa chất	15 năm
43	Tăng Quốc Cường	27/7/1964	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Thạc sỹ Trắc địa	15 năm
44	Trần Đức Trứ	05/01/1979	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Tiến sỹ Hải dương học	15 năm
45	Đình Quang Nhã	23/5/1982	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Thạc sỹ Môi trường	10 năm
LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN					
46	Dương Văn Khánh	16/11/1960	Tổng cục Khí tượng Thủy văn	Tiến sỹ Thủy văn	35 năm
47	Hoàng Đức Cường	04/11/1966	Tổng cục Khí tượng Thủy văn	Tiến sỹ Khí tượng	28 năm
48	Trần Văn Nghĩa	24/10/1977	Tổng cục Khí tượng Thủy văn	Cử nhân toán tin ứng dụng	18 năm
49	Mai Văn Khiêm	16/4/1977	Tổng cục Khí tượng Thủy văn	Tiến sỹ Khoa học khí quyển	17 năm

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và giám định tư pháp
50	Trần Đình Trọng	20/09/1970	Viện Khoa học KTTV&BDKH	Thạc sỹ khí tượng	25 năm
51	Lương Hữu Dũng	18/9/1980	Viện Khoa học KTTV&BDKH	Tiến sỹ Khoa học Trái đất	15 năm
LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					
52	Nguyễn Văn Minh	08/02/1981	Cục Biến đổi khí hậu	Thạc sỹ Biến đổi khí hậu	14 năm
53	Lương Quang Huy	08/04/1977	Cục Biến đổi khí hậu	Tiến sỹ Khoa học môi trường	20 năm
LĨNH VỰC ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ					
54	Phạm Ngọc Thọ	07/6/1964	Cục Đo đạc, Bản đồ và thông tin địa lý Việt Nam	Kỹ sư Trắc địa	30 năm
55	Trần Anh Tuấn	23/9/1979	Cục Đo đạc, Bản đồ và thông tin địa lý Việt Nam	Thạc sỹ Địa chính	11 năm
56	Đỗ Thị Hoài	05/06/1976	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ	Tiến sỹ Trắc địa	18 năm
57	Lại Văn Thủy	24/04/1968	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ	Thạc sỹ Trắc địa	28 năm
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC					
58	Ngô Chí Hường	22/02/1968	Cục Quản lý Tài nguyên nước	Thạc sỹ Tài nguyên nước	20 năm
59	Nguyễn Hồng Hiếu	02/5/1977	Cục Quản lý Tài nguyên nước	Thạc sỹ Địa chất Thủy văn	18 năm
60	Lê Thị Việt Hoa	12/7/1968	Cục Quản lý Tài nguyên	Tiến sỹ Môi trường tự nhiên	27 năm

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và giám định tư pháp
			nước		
61	Ngô Mạnh Hà	03/6/1982	Cục Quản lý Tài nguyên nước	Thạc sỹ Thủy văn	12 năm
LĨNH VỰC VIỄN THÁM					
62	Đặng Thị Liên	16/3/1974	Cục Viễn thám quốc gia	Thạc sỹ Địa lý và GIS	15 năm
63	Chu Hải Tùng	12/6/1968	Cục Viễn thám quốc gia	Tiến sỹ Trắc địa ảnh viễn thám	20 năm